

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH L A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/DSST

Ngày: 29/11/2019

Về việc “T/c Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T -TỈNH L A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hà Minh Tấn

2/ Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TÂN T, tỉnh L A.

Hôm nay, ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TÂN T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 09 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST -DS ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị H, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Ca T, xã Kiến B, huyện TÂN T, tỉnh L A

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thành N, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Bà Phạm Thị G, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp Ca T, xã Kiến B, huyện TÂN T, tỉnh L A.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị Ngọc T(vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Ca T, xã Kiến B, huyện TÂN T, tỉnh L A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 13/08/2019 nguyên đơn người CaoThị H trình bày: Bà Phạm Thị G và ông Nguyễn Thành N có nhờ bà Cao Thị

H vay bảy lần với tổng số tiền là 362.600.000 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng) cụ thể các lần vay như sau:

Ngày 30/06/2015 vay số tiền là 26.000.000 đồng ;

Ngày 30/02/2016 vay số tiền là 50.600.000 đồng ;

Ngày 30/06/2016 vay số tiền là 65.000.000 đồng ;

Ngày 30/02/2017 vay số tiền là 81.000.000 đồng ;

Ngày 30/06/2017 vay số tiền là 40.000.000 đồng ;

Ngày 30/02/2018 vay số tiền là 60.000.000 đồng ;

Ngày 30/06/2018 vay số tiền là 60.000.000 đồng .

Hiện nay bà Cao Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TÂN T buộc ông Lê Thành N, bà Phạm Thị G và Lê Thị Ngọc Tiên đối hoàn trả cho bà số tiền là 326.600.000 đồng trả một lần, không yêu cầu tính lãi

Bị đơn ông Lê Thành N, bà Phạm Thị G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ngọc Thương: Tòa án nhân dân huyện TÂN T đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án ngày 23/09/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 ngày 23/09/2019, lần 2 ngày 10/10/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 28/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 13/11/2019 đúng theo quy định của Điều 173, 174, 179 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nhưng ông Lê Thành N, bà Phạm Thị G, chị Lê Thị Ngọc T cố tình vắng mặt nên trong hồ sơ không thể hiện được lời khai của ông Lê Thành N, bà Phạm Thị G, chị Lê Thị Ngọc T nên Tòa án tiến hành xét xử theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Hợp đồng vay tài sản*” giữa bà Cao Thị H với ông Lê Thành N, bà Phạm Thị G, chị Lê Thị Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TÂN T, tỉnh L A.

Tại phiên tòa hôm nay bà Cao Thị H không thay đổi yêu không rút đơn khởi kiện. Bà H tiếp tục yêu ông Lê Thành N, bà Phạm Thị G, chị Lê Thị Ngọc Tiên đối hoàn trả lại cho bà H. Tổng số tiền là 362.600.000 đồng không yêu cầu tính

lãi.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Tòa án nhân dân huyện TÂN T tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 28/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 13/11/2019 nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà G, ông Nam và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị T vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Bà Phạm Thị G và ông Nguyễn Thành N có nhờ bà Cao Thị H vay bảy lần với tổng số tiền là 362.600.000 đồng tổng cộng bảy lần vay từ tháng 06 năm 2015 đến tháng 03 năm 2018. Nguồn gốc số tiền vay này xuất phát từ hợp đồng chơi hụi. Do bà G hốt hụi sử dụng không đóng lại cho bà H nên hai bên tự nguyện thỏa thuận với nhau chuyển thành hợp đồng vay tài sản để đảm bảo cho quyền lợi của mỗi bên.

Sau khi thỏa thuận theo bà H trình bày, bà H có yêu cầu bà G và ông Nam thanh toán nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện thanh toán cho bà H. Nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu bà G, ông Nam và chị T trả cho bà số tiền trên và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TÂN T thông báo cho bà G trả nợ nhưng bà cũng không thực hiện. Tòa án nhân dân huyện TÂN T sau khi thụ lý vụ án có gửi cho bà G, ông Nam, chị T thông báo thụ lý vụ án, gia đình có biết được nhưng không có ý kiến phản hồi, cũng không từ chối yêu cầu khởi kiện của bà H. Bà H có cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện TÂN T một biên nhận vay có chữ ký của bà Phạm Thị G và chị Lê Thị Ngọc T đồng ký tên. Từ nhận định trên cho thấy bà G, ông Nam, chị T có thỏa thuận vay của bà H số tiền là 362.600.000 đồng, bà H yêu cầu ông Nam, bà H và chị T liên đới hoàn trả cho bà H là hoàn toàn có căn cứ hợp lý nên được chấp nhận.

Áp dụng Điều 288, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Cao Thị H.

Buộc ông Lê Thành N, bà Phạm Thị H, chị Lê Thị Ngọc T liên đới hoàn trả cho bà Cao Thị H số tiền là 362.600.000 đồng (*Bà trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng*). Thời gian trả khi bản án có hiệu lực.

[3] *Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Ông Lê Thành N, bà Phạm Thị G, chị Lê Thị Ngọc T phải chịu 18.130.000 đồng sung Ngân sách nhà nước.

Bà Cao Thị H không phải chịu án phí nên được hoàn trả 9.050. 000 đồng theo lai thu số 0000605 ngày 23/09/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÂN T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 173, 174, 179, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 288, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Cao Thị H.

Buộc ông Lê Thành N, bà Phạm Thị G, chị Lê Thị Ngọc T liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà Cao Thị H số tiền là 362.600.000 đồng (*Bà trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng*). Thời gian trả khi bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi 10%/ năm của số tiền còn phải thi hành án tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Thành N, bà Phạm Thị G, chị Lê Thị Ngọc T phải chịu 18.130.000 đồng sung Ngân sách nhà nước.

Bà Cao Thị H không phải chịu án phí nên được hoàn trả 9.050. 000 đồng theo lai thu số 0000605 ngày 23/09/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÂN T.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L A;
- VKSND huyện TÂN T;
- THADS huyện TÂN T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Dũng